

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi được sửa đổi, bổ sung bởi 46/2022/NĐ-CP và Nghị định số 32/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 106/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đồng Nai theo quy định tại điểm h Điều 80 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với trường hợp nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có tham gia hoạt động chăn nuôi trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

b) Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi

1. Toàn bộ các khu vực được quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các Cộng đồng dân cư hiện hữu theo quy hoạch được phê duyệt không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các khu vực được xác định chức năng sử dụng đất theo quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt là đất ở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu chức năng khác không phù hợp với hoạt động chăn nuôi.

Điều 3. Vùng nuôi chim yến

1. Vùng nuôi chim yến là khu vực nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này và bảo đảm khoảng cách từ nhà yến đến cộng đồng dân cư tối thiểu 300 mét.

2. Việc xây dựng, hoạt động nuôi chim yến trong vùng nuôi chim yến phải đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 64 Luật Chăn nuôi và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

1. Đối tượng được hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân có cơ sở chăn nuôi được xây dựng trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi được hỗ trợ di dời đến địa điểm mới phù hợp hoặc ngừng hoạt động và chuyển đổi ngành nghề.

2. Nội dung và trình tự, thủ tục hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 106/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Mỗi cơ sở chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi đã được hưởng các

chính sách tương tự từ ngân sách nhà nước. Trong trường hợp có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

c) Các cơ sở được ngân sách nhà nước hỗ trợ di dời phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

4. Điều kiện được hỗ trợ

a) Các cơ sở chăn nuôi thuộc danh sách phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Các cơ sở chăn nuôi phải thực hiện di dời, ngưng chăn nuôi theo đúng quy định tại Điều 2, Điều 7 Nghị quyết này.

c) Người được đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác phải có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo, tập huấn do cơ sở đào tạo cấp.

d) Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi cơ sở chăn nuôi đã hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi hoặc ngừng hoạt động có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách thành phố đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ có đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến; chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành và nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện như sau:

a) Đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này không được tăng quy mô chăn nuôi, không thay đổi loại vật nuôi và phải ngưng chăn nuôi hoặc di dời đến địa điểm chăn nuôi phù hợp trước ngày 31 tháng 12 năm 2030.

b) Đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này không được tăng quy mô chăn nuôi, không thay đổi loại vật nuôi và phải di dời, ngưng chăn nuôi khi các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được triển khai thực hiện.

2. Đối với các nhà yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành nhưng không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này thì phải giữ nguyên trạng, không được coi nới và phải đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai Khóa XI, Kỳ họp thứ.....thông qua ngàytháng.....năm 2026.

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản & Tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, THADS thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo điện tử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHHĐND.

PHỤ LỤC

KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

STT	Xã/Phường	Khu vực không được phép chăn nuôi (Thôn/ấp/Khu phố)
1	Phường Trần Biên	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
2	Phường Tân Triều	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
3	Phường Bảo Vinh	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường trừ vùng quy hoạch đất nông nghiệp khác tại khu phố Thọ An và khu phố Bàu Cối
4	Phường Phước Tân	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
5	Phường Dầu Giây	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
6	Phường Tân phú	Các khu phố sau: Tân Phú 1, Tân Phú 2, Tân Phú 3, Tân Phú 4, Tân Phú 5, Tân Phú 6, Tân Phú 7, Tân Phú 8, Tân Phú 9, Trà Cỏ 10, Trà Cỏ 11, Trà Cỏ 13; Phú Lộc 14, Phú Lộc 15, Phú Lộc 16, Phú Lộc 18, Thanh Thọ, Thọ Lâm; Ngọc Lâm 1, Ngọc Lâm 2, Ngọc Lâm 3, Ngọc Lâm 4; Thọ Lâm 1, Thọ Lâm 2.
7	Phường An Lộc	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
8	Phường Lộc Ninh	Các khu phố: Ninh Hòa, Ninh Thịnh, Ninh Phú
9	Phường Biên Hòa	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
10	Phường Long Bình	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
11	Phường Tam Phước	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
12	Phường Long Khánh	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
13	Phường Bình Phước	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
14	Phường Long Thành	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
15	Phường Trảng Dài	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
16	Phường Xuân Lộc	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
17	Phường Minh Hưng	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
18	Phường Phước Bình	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
19	Phường Tam Hiệp	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường

20	Phường Hồ Nai	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
21	Phường Long Hưng	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
22	Phường Bình Lộc	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
23	Phường Bàu Sen	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
24	Phường Hàng Gòn	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
25	Phường Đồng Xoài	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
26	Phường Chơn Thành	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
27	Phường Bình Long	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
28	Phường Phước Long	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
29	Phường Nhơn Trạch	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
30	Phường Trảng Bom	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
31	Phường Trị An	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
32	Phường Đồng Phú	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
33	Phường Tân Khai	Toàn bộ các khu vực trên địa bàn Phường
34	Xã Bình An	Khu 12, Khu 13, Khu 14, Khu 15; Ấp An Viêng; Ấp An Bình; Ấp Sa Cá; Ấp Bàu Tre
35	Xã Sông Ray	Ấp 1, Ấp 9
36	Xã Xuân Đông	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
37	Xã Phú Vinh	Ấp 1, Phú Vinh 1, Phú Vinh 2, Phú Vinh 3, Phú Vinh 4, Phú Vinh 5
38	Xã Lộc Tấn	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
39	Xã Bù Đăng	Các Thôn Đức Phong, Đức Thiện, Đức Thọ, Hòa Đồng, Tân Hưng, Đức Hòa, Đức Lợi, Thiện Minh, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thiện, Minh Hưng, Hưng Thịnh, Minh Tâm, Hưng Phát, Hưng Vượng
40	Xã Xuân Đường	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
41	Xã Phú Nghĩa	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
42	Xã Tân Lợi	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
43	Xã Hưng Phước	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này

44	Xã Phước Sơn	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
45	Xã Phước An	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
46	Xã Bình Minh	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
47	Xã Hưng Thịnh	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
48	Xã Xuân Thành	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
49	Xã Cẩm Mỹ	Các Ấp Duyên Lăng; Tân Lập (tổ 1 đến tổ 6); Láng Lớn (tổ 1 đến tổ 20) Ấp Suối Râm (tổ 1 đến tổ 20 và 1 phần tổ 21); Suối Cả (tổ 1 đến tổ 7 và 1/2 tổ 8); Hoàn Quân (tổ 1 đến tổ 7 và tổ 10); Cẩm Sơn (tổ 2A, 2B, tổ 7A, 7B, 9); Đồng Tâm (tổ 4 đến tổ 11); Suối Sóc (Đường 8 tổ 4, tổ 10); Tân Xuân (tổ 12)
50	Xã La Ngà	ấp Đồng Xoài, ấp Hòa Bình, Ấp Đồn Điền 1, ấp Đồn Điền 2, ấp 3, ấp 4
51	Xã Nam Cát Tiên	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
52	Xã Lộc Thạnh	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
53	Xã Đa Kia	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
54	Xã Đồng Tâm	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
55	Xã Phước Thái	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
56	Xã An Phước	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
57	Xã Xuân Hòa	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
58	Xã Định Quán	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
59	Xã Tân An	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
60	Xã Phú Riêng	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
61	Xã Thọ Sơn	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
62	Xã Tà Lài	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
63	Xã Thống Nhất	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
64	Xã Nha Bích	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
65	Xã Tân Hưng	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
66	Xã Minh Đức	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
67	Xã Thuận Lợi	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
68	Xã Thiện Hưng	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này

69	Xã Long Phước	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
70	Xã Đại Phước	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
71	Xã An Viễn	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
72	Xã Bàu Hàm	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
73	Xã Gia Kiệm	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
74	Xã Xuân Định	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
75	Xã Xuân Phú	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
76	Xã Xuân Bắc	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
77	Xã Xuân Quế	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
78	Xã Thanh Sơn	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
79	Xã Phú Hòa	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
80	Xã Phú Lâm	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
81	Xã Đak Lua	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
82	Xã Phú Lý	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
83	Xã Lộc Hưng	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
84	Xã Lộc Thành	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
85	Xã Lộc Quang	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
86	Xã Tân Quan	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
87	Xã Bù Gia Mập	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
88	Xã Đăk Ô	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
89	Xã Bình Tân	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
90	Xã Long Hà	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
91	Xã Phú Trung	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
92	Xã Tân Tiến	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
93	Xã Nghĩa Trung	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
94	Xã Đăk Nhau	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này
95	Xã Bom Bo	Các khu vực quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 2 Nghị quyết này

